

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST

Ngày: 29/02/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tư;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên Tòa: – Ông Phạm Minh Đăng - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 375/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 335/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/QĐ-ST, ngày 23/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: Số 595/8, Đường 3/2, khu phố 1, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Ch (Chính H, Chính T H), sinh năm 1964. (Vắng mặt)

2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị C là bà Tạ Kim T trình bày:

Bà Phạm Thị C và bà Nguyễn Thị Ch (Chính H, Chính T H) có mối quan hệ quen biết. Bà C có tổ chức đây hụi tháng 30.000.000đ, khai ngày 25/4/2021 âm lịch, hụi có 24 phần, bà Ch tham gia 01 phần, mục đích hốt hụi để lấy tiền làm vốn mua bán và xây nhà. Bà Ch đã hốt hụi lần đầu vào ngày 25/4/2021 (kỳ khai hụi đầu tiên) được số tiền 586.000.000đ, bà C đã giao đủ số tiền hụi cho bà Ch. Khi nhận tiền có nói con dâu là Nguyễn Thị Ngọc P viết biên nhận và bà Ch có ký tên vào biên nhận.

Bà Ch đã đóng hui chết đến ngày 25/5/2022 âm lịch còn nợ lại bà C số tiền 350.000.000đ, bà Ch viết biên nhận xác nhận số tiền còn nợ lại của bà Ch. Sau đó bà Ch không tiếp tục đóng hui chết cho bà C nữa mà chỉ trả cho bà C mỗi tháng vài triệu để đóng hui chết. Từ tháng 7/2022 âm lịch đến tháng 4/2023 bà Ch đã trả cho bà C được số tiền 43.500.000đ và đây hui này đã mãn vào tháng 03/2023 âm lịch, hiện bà Ch còn nợ lại số tiền 306.500.000đ. Sau khi bà C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án, bà Ch có trả thêm cho bà C số tiền 6.000.000đ, nên hiện nay bà Ch còn nợ bà C số tiền 300.500.000đ, tuy nhiên bà C chỉ yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Ch và ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ hui 300.000.000đ, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ch, ông Huỳnh Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.500.000đ, chỉ yêu cầu ông T, bà Ch liên đới trả số tiền 300.000.000đ. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Ch, Huỳnh Văn T phải liên đới trả cho bà Phạm Thị C số tiền nợ hui 300.000.000đ. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hui là 6.500.000đ bà C yêu cầu bà Ch, ông T phải trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị C xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự; Bị đơn có địa chỉ tại Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Xét thấy bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện; Tại phiên tòa bà Tạ Kim T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể xin rút đối với số tiền nợ hui 6.500.000đ, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui 300.000.000đ, xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hui 6.500.000đ bà C yêu cầu ông T, bà Ch phải liên đới trả.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/7/2023 nguyên đơn bà Phạm Thị C yêu cầu bị đơn cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ hui là 306.500.000đ, tuy nhiên tại phiên tòa Bà T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn liên đới trả số tiền 300.000.000đ do trong quá

trình giải quyết vụ án bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000đ, chỉ còn nợ lại 300.500.000đ, tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 300.000.000đ. Tại phiên tòa Bà T cung cấp bản chính danh sách hội viên và biên nhận nợ hội của đây hội khai ngày 25/4/2021 âm lịch do bà C làm chủ hội, nội dung biên nhận thể hiện bà Ch có hốt đây hội 30.000.000đ với số tiền nhận được là 586.000.000đ sau khi đã trừ tiền đầu thảo hội, có chữ ký của bà Ch và chị Phụng. Sau đó bà Ch có đóng hội chết nhiều lần và còn thiếu lại số tiền là 300.000.000đ nên bà C yêu cầu bà Ch, ông T phải liên đới trả số tiền nợ hội này, do ông T là chồng và là thành viên hộ gia đình.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ cần được chấp nhận, bởi ngoài biên nhận nợ hội thì nguyên đơn có cung cấp bản chính giấy xác nhận của các thành viên chơi chung hội với bị đơn là Nguyễn Minh H, Nguyễn Văn T, Cao Văn V. Mặc khác, tại biên bản xác minh ngày 27/12/2023 của Công an xã M thể hiện thành viên hộ bà Ch gồm có bà Ch, ông T và chị Phụng. Như vậy, tuy người tham gia hội là bà Ch, ông T tuy không có ký tên vào biên nhận nợ nhưng tại thời điểm giao dịch giữa bà C với bà Ch phát sinh thì ông T và bà Ch vẫn còn là vợ chồng. Do đó ông Huỳnh Văn T phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị C, cần buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Ch và Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền nợ hội là 300.000.000đ.

Bị đơn bà Ch, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Cũng không trình bày ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Như vậy bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây cũng là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 244, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 288, Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị C có đại diện theo ủy quyền là bà Tạ Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị Ch, ông Huỳnh Văn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Cung số tiền nợ hụi 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Việc trả tiền thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Ch, ông T, chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ giải quyết đối với số tiền nợ hụi 6.500.000đ mà bà Phạm Thị C yêu cầu ông Huỳnh Văn T và bà Nguyễn Thị Ch phải liên đới trả.

3. Về án phí: Bị đơn phải chịu số tiền 15.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị C số tiền tạm ứng án phí 7.637.000đ theo biên lai thu số 0018049, ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa